

BỘ GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH

2008

PHÁP LUẬT VỀ THUẾ (I)

Giảng viên:
Tiến Sĩ Phan Hiển Minh
Tô Văn Yên

Tài liệu biên soạn cho sinh viên:

- + Khoa Kinh tế – Quản trị kinh doanh.
- + Khoa Kế toán – Tài chính – Ngân hàng.
- + Trung tâm đào tạo từ xa.
- + Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán.

TP. HỒ CHÍ MINH – 08/2006

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ	1
CHƯƠNG 2: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	6
CHƯƠNG 3: THUẾ THU NHẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ THU NHẬP CAO.....	25
CHƯƠNG 4: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	36
CHƯƠNG 5: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB).....	47
CHƯƠNG 6: THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU	54
CHƯƠNG 7: THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	66
CHƯƠNG 8: THUẾ NHÀ ĐẤT VÀ TIỀN THUÊ ĐẤT	69
CHƯƠNG 9: THUẾ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	73
CHƯƠNG 10: THUẾ TÀI NGUYÊN.....	78
CHƯƠNG 11: PHÍ VÀ LỆ PHÍ	82
CHƯƠNG 12: CÁC LOẠI LỆ PHÍ	86
CHƯƠNG 13: HÓA ĐƠN.....	92
CHƯƠNG 14: TỰ KHAI – TỰ NỘP THUẾ KINH NGHIỆM MỘT SỐ QUỐC GIA	94
CHƯƠNG 15: TÌNH HÌNH KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN Ở VIỆT NAM.....	96
CHƯƠNG 16: CHÍNH SÁCH THUẾ VỚI WTO.....	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	108

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THUẾ

I. KHÁI NIỆM VÀ CHỨC NĂNG

A. Khái niệm:

1. Nghĩa vụ bắt buộc.
2. Quyền lợi.
3. Xử lý vi phạm.

B. Chức năng:

1. Phân phối và phân phối lại.
2. Điều tiết kinh tế: tác động quá trình sản xuất theo 3 hướng:
 - a. *Tác động đến mức độ và có cân tổng cầu.*
 - b. *Tác động đến tiền lương.*
 - c. *Tác động đến mua sắm.*

II. HỆ THỐNG LUẬT THUẾ HIỆN HÀNH

A. Gồm 6 luật và 3 pháp lệnh

Nhóm huy động từ thu nhập	Nhóm huy động từ sử dụng thu nhập (tiêu dùng)	Nhóm huy động từ tài sản
1. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (pháp lệnh)	1. Thuế giá trị gia tăng (Luật)	1. Thuế Nhà đất (Pháp lệnh)
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (Luật)	2. Thuế tiêu thụ đặc biệt (luật)	2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp (Luật)
	3. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (Luật)	3. Thuế chuyển quyền sử dụng đất (Luật)
		4. Thuế tài nguyên (Pháp lệnh)

B. Phân biệt thuế, lệ phí, phí:

- Phân biệt theo hình thức xử lý vi phạm.
- Phân biệt theo hình thức văn bản pháp luật.

III. PHÂN LOẠI THUẾ

1. Thuế trực thu:

- Thu trực tiếp nơi người chịu thuế: Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập đối với những người có thu nhập cao ...
- Hành vi vi phạm: Sẽ bị áp hoặc phạt mãi tài sản.

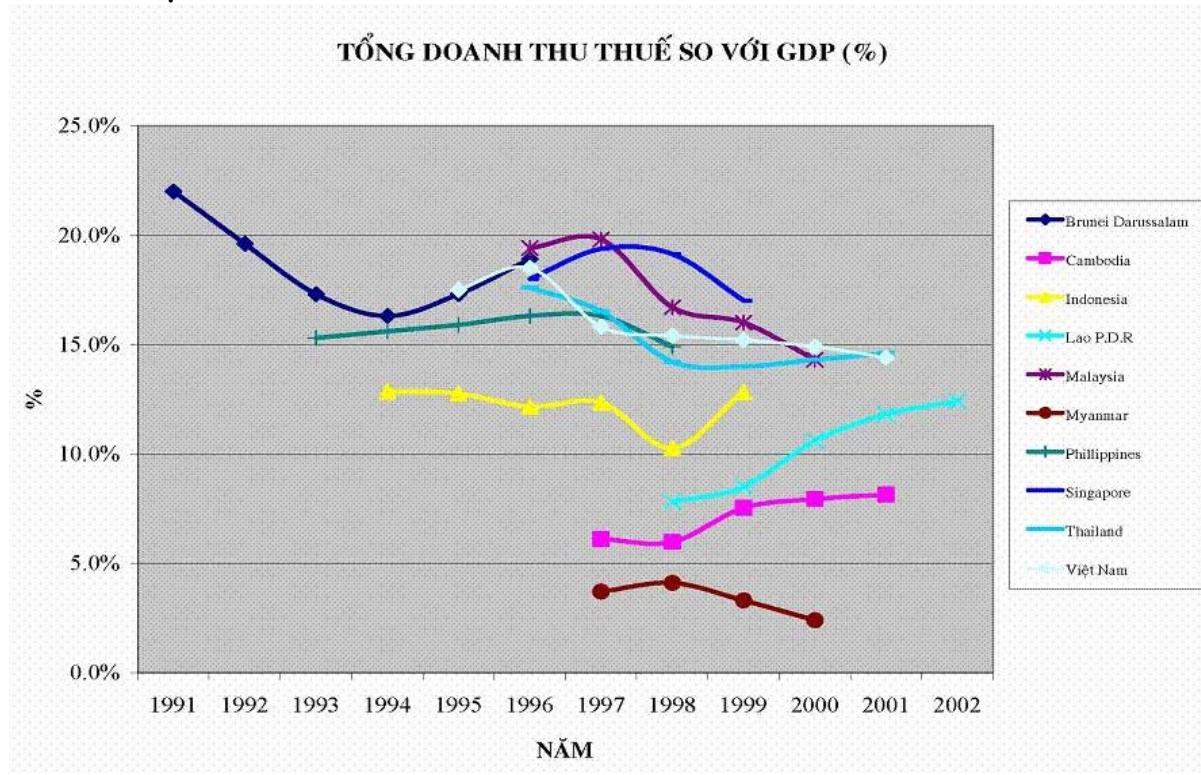
2. Thuế gián thu:

- Người chịu trách nhiệm là người tiêu dùng, nhưng số thuế được thu qua các cá nhân hoặc tổ chức kinh doanh: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt ...
- Hành vi vi phạm được xem là chiếm dụng tài sản Nhà nước.

3. Ưu nhược điểm thuế gián thu, thuế trực thu:

	Thuế trực thu	Thuế gián thu
Ưu điểm	A. Phù hợp nguyên tắc công bằng hợp lý về thuế	a. Thu nhanh, thu dễ b. Không gây phản ứng tâm lý người tiêu dùng
Nhược điểm	a. Tích cách biếu lô dẽ gây phản ứng tâm lý của người chịu thuế b. Thu chậm, khó thu	a. Không phân biệt đối xử giữa các tầng lớp dân cư, chưa bảo đảm nguyên tắc công bằng hợp lý về thuế

IV. TỶ LỆ THUẾ SO GDP



V. LÝ THUYẾT TRỌNG CUNG – LÝ THUYẾT TRỌNG CẦU

A. Lý thuyết trọng cung

- Vào những năm 80, trường phái trọng cung (với các đại biểu là A. Laffer, Winniski,...)
- Nhiệm vụ của Nhà nước là xây dựng các điều kiện để kích thích kinh tế xuất hiện.
- Vấn đề không phải là kích thích cầu, mà là tăng năng suất. Muốn tăng năng suất phải kích thích lao động, đầu tư và tiết kiệm
- Phái trọng cung cho rằng thuế suất cao làm giảm mức độ và qui mô tiết kiệm, đồng thời thủ tiêu nhiệt tình kinh doanh, động lực đầu tư..

B. Lý thuyết trọng cầu

- Lý thuyết của J.M.Keynes, có thể coi là đại diện tiêu biểu của trường phái trọng cầu.
- Muốn đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm cân đối cung cầu trên thị trường thì phải tìm biện pháp kích thích cầu có hiệu quả.
- Lý thuyết trọng cầu của Keynes, là một cuộc cách mạng trong kinh tế học và những người theo trường phái của ông tiếp tục cổ vũ áp dụng học thuyết này vào thực tế, nhất là các nước phát triển, với những bổ sung và phát triển mới. Hệ quả của việc gia tăng quá mức sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế là qui mô chi ngân sách quá lớn, các mức thuế dâng lên cao, thủ tiêu động cơ kinh doanh và đầu tư, b López nghẹt cơ chế thị trường.

VI. CÁC HÌNH THỨC LIÊN KẾT KINH TẾ

1. Hiệp hội mậu dịch tự do (FREE TRADE ASSOCIATION - FTA)
2. Liên minh thuế quan (Custom Union)
3. Thị trường chung (Common market)
4. Liên minh kinh tế (Economic Union)

VII. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG

- Thuế quan

- Biện pháp hạn chế số lượng
- Biện pháp tài chính tiền tệ phi thuế quan
- Biện pháp kỹ thuật

VIII. SỬA ĐỔI BỔ SUNG LUẬT THUẾ THEO HƯỚNG

1. Mở rộng đối tượng chịu thuế, thu hẹp diện không chịu thuế (đặc biệt đối với luật thuế GTGT) để đảm bảo tính liên hoàn của thuế GTGT, tạo điều kiện cho các cơ sở kinh doanh, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
2. Thu gọn số lượng mức thuế suất để góp phần thúc đẩy hơn nữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
3. Thống nhất nghĩa vụ thuế, giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.
4. Giảm tỷ lệ điều tiết về thuế TNDN để các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có điều kiện đầu tư, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu.
5. Từng bước đơn giản thủ tục hành chính về thuế để tiến tới đối tượng nộp thuế tự khai, tự tính, tự nộp thuế gắn liền với tăng cường chức năng quản lý, giám sát của cơ quan thuế.

IX. CÁC YẾU TỐ CỦA LUẬT THUẾ

1. Đối tượng nộp thuế: chủ thể của thuế (người nộp thuế).
2. Đối tượng chịu thuế: căn bản chịu thuế (thu nhập, tài sản, hàng hóa hoặc dịch vụ).
3. Trường hợp không thuộc diện chịu thuế.
4. Căn cứ tính thuế: giá tính thuế.
5. Thuế suất:
 - Tỉ lệ cố định;
 - Lũy tiến từng phần;
 - Lũy tiến toàn phần;
 - Thuế suất tuyệt đối.
6. Phương pháp tính thuế.
7. Kê khai, quyết toán thuế, nộp thuế.
8. Miễn giảm thuế, ưu đãi thuế.
9. Xử lý vi phạm, khiếu nại, khởi kiện.

X. TÓM TẮT CÁC Ý QUAN TRỌNG

- Hệ thống Luật thuế của Việt Nam.
- Thuế trực thu – Thuế gián thu – Ưu nhược điểm.
- Các biện pháp thực hiện chính sách ngoại thương với xu thế hội nhập.
- Định hướng chiến lược cải cách thuế.
- Các yếu tố của luật thuế.

XI. CÂU HỎI

1. Trình bày ưu điểm, nhược điểm của thuế gián thu và thuế trực thu? Theo các anh chị với xu thế hội nhập, hệ thống thuế hiện hành của Việt Nam nên tập trung thuế gián thu hay thuế trực thu? Vì sao?
2. Chức năng của thuế.

XII. TÀI LIỆU ĐỌC THÊM:

- GS Tiến sĩ Nguyễn Thành Tuyền – Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Thanh, “Giáo trình thuế”, NXB Thông Kê (2001): Chương 1 đến Chương 4 (trang 1 đến trang 86).
- ThS Phan Hiển Minh – TS Nguyễn Ngọc Thanh – ThS Châu Thành Nghĩa, “Giáo trình thuế thực hành”, NXB Thông kê (2001): Chương 1 (trang 1 đến 10).

XIII. PHỤ LỤC

1. Trang Web:

- Bộ Tài Chính: www.mof.gov.vn
- Tổng Cục Thuế: www.gdt.gov.vn
- Ủy ban Nhân dân TP.HCM: www.doithoaidn.hochiminhcity.gov.vn

2. Danh sách cơ quan tuyên truyền hỗ trợ các tổ chức và cá nhân nộp thuế của ngành Thuế:

STT	Địa phương	Địa chỉ cơ quan	Mã tỉnh	Điện thoại
1	2	3	4	5
1	Tổng Cục Thuế	Số 123 Lô Đức – Hà Nội	04.	9.719.461
2	Cục Thuế TP Hà Nội	Số 25 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	04.	5.146.087
3	Cục Thuế TP Hồ Chí Minh	Số 140 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	08.	9.330.608
4	Cục Thuế An Giang	Số 10 Bùi Văn Danh, P. Mỹ Xuyên, TP Long Xuyên, T. An Giang	076.	841.623
5	Cục Thuế Bạc Liêu	Số 117 – 119 Hoàng Văn Thụ, P.3, TX Bạc Liêu, T. Bạc Liêu	0781.	823.947
6	Cục Thuế Bà Rịa Vũng Tàu	Đường 3/2, TP Vũng Tàu	064.	511.524
7	Cục Thuế Bắc Cạn	Phường Phùng Chí Kiên, TX Bắc Cạn	0281.	870.713
8	Cục Thuế Bắc Ninh	Đường Nguyễn Văn Đạo – TX Bắc Ninh	0241.	822.347
9	Cục Thuế Bắc Giang	Đường Xương Giang, TX Bắc Giang	0240.	857.284
10	Cục Thuế Bến Tre	Số 615B QL 60, P. Phú Khương, TX Bến Tre	075.	826.160
11	Cục Thuế Bình Dương	QL 13, P. Phú Hòa, TX Thủ Dầu Một	0650.	822.854
12	Cục Thuế Bình Định	Số 236 Đường Phan Bội Châu, TP Quy Nhơn	056.	821.263
13	Cục Thuế Bình Phước	QL 14, P. Tân Phú, TX Đồng Xoài	0651.	879.193
14	Cục Thuế Bình Thuận	Đường Nguyễn Tất Thành, TP Phan Thiết – Bình Thuận	062.	822.767
15	Cục Thuế Cao Bằng	Phố Hoàng Văn Thụ, P. Hợp Giang, TX Cao Bằng	026.	852.724
16	Cục Thuế Cần Thơ	Số 56 Nguyễn Thái Học, TP Cần Thơ	071.	820.731
17	Cục Thuế Cà Mau	Số 1, Đường An Dương Vương, P.7, TP Cà Mau	0780.	836.084
18	Cục Thuế TP Đà Nẵng	Số 08 Trần Phú, Đà Nẵng	0511.	823.556
19	Cục Thuế Đăk Nông	Số 209 Trần Hưng Đạo, TT Gia Nghĩa, T Đăk Nông	050.	844.274
20	Cục Thuế Đăk Lăk	Số 12 Trần Hưng Đạo, TP Buôn Ma Thuột	050.	811.074
21	Cục Thuế Đồng Nai	Số 87 CMT8, P. Hòa Bình, TP. Biên Hòa	061.	847.835
22	Cục Thuế Đồng Tháp	Đường Nguyễn Huệ, P.1, TX Cao Lãnh	067.	870.881
23	Cục Thuế Điện Biên	TX Điện Biên Phủ – T Điện Biên	023.	825.242
24	Cục Thuế Gia Lai	Số 71B Hùng Vương, TP Pleiku	059.	871.076
25	Cục Thuế Hà Giang	Đường Yết Kiêu, P. Nguyễn Trãi, TX Hà Giang	019.	863.361
26	Cục Thuế Hà Nam	Ngã tư Đường Biên Hòa, TX Phủ Lý, T Hà Nam	0351.	851.553
27	Cục Thuế Hà Tây	Số 36 Đường Tô Hiệu, P. Nguyễn Trãi, TX Hà Đông – Hà Tây	034.	829.757
28	Cục Thuế Hà Tĩnh	Đường Trần Phú, TX Hà Tĩnh	039.	857.811
29	Cục Thuế Hải Dương	Km Số 2, Nguyễn Lương Bằng, P. Thanh Bình, TP Hải Dương	0320.	890.947
30	Cục Thuế Hải Phòng	Số 6 Đà Nẵng – Ngô Quyền, TP Hải Phòng	031.	827.472
31	Cục Thuế Hậu Giang	Đường 3/2 Khu vực 3, P.5, TX Vị Thanh	071.	876.744
32	Cục Thuế Hòa Bình	Trần Hưng Đạo, P. Phương Lâm, TX Hòa Bình	018.	851.126
33	Cục Thuế Hưng Yên	Số 302 Đường Nguyễn Văn Linh, P. Hiến Nam, TX Hưng Yên	0321.	865.733
34	Cục Thuế Khánh Hòa	Số 1 Lê Lợi, TP Nha Trang	058.	822.028
35	Cục Thuế Kiên Giang	Số 03 – 05 Đường Mậu Thân, P. Vĩnh Thanh, TX Rạch Giá	077.	861.615
36	Cục Thuế Kon Tum	Số 92 Trần Phú, TX Kon Tum, T Kon Tum	060.	864.658
37	Cục Thuế Lai Châu	Phố Phong Châu, TT Tam Đường, Lai Châu	023.	876.572
38	Cục Thuế Lạng Sơn	Số 47 Đường Lê Lợi, P. Vĩnh Trại, TX Lạng Sơn	052.	875.858

39	Cục Thuế Lào Cai	Đường Hoàng Liên Sơn, TX Lào Cai	020.	820.207
40	Cục Thuế Lâm Đồng	Số 1 Đường Trần Phú, TP Đà Lat	063.	824.468
41	Cục Thuế Long An	Số 36 Thủ Khoa Huân, P.1, TX Tân An	072.	829.146
42	Cục Thuế Nam Định	Số 325 Đường Trường Chinh, TP Nam Định	0352.	849.719
43	Cục Thuế Nghệ An	Số 66 Nguyễn Thị Minh Khai, TP Vinh	038.	841.025
44	Cục Thuế Ninh Bình	Đường 1A, P. Tân Thành, TX Ninh Bình	030.	872.595
45	Cục Thuế Ninh Thuận	Đường 16/4 TX Phan Rang – Tháp Chàm	068.	824.979
46	Cục Thuế Phú Thọ	Phường Gia Cẩm, TP Việt Trì	0210.	844.409
47	Cục Thuế Phú Yên	Số 72 Tân Đà, TX Tuy Hòa, T Phú Yên	057.	823.097
48	Cục Thuế Quảng Bình	Số 18A Quang Trung, TX Đồng Hới	052.	823.166
49	Cục Thuế Quảng Nam	Số 32 Trần Hưng Đạo, TX Tam Kỳ, T Quảng Nam	051.	852.536
50	Cục Thuế Quảng Ngãi	Số 255 Đường Nguyễn Nghiêm, TX Quảng Ngãi	055.	822.017
51	Cục Thuế Quảng Ninh	Số 423 Lê Thánh Tông, P. Bạch Đằng, TP Hạ Long	033.	626.634
52	Cục Thuế Quảng Trị	Số 99 Đường Lê Duẩn, TX Đông Hà, T Quảng Trị	053.	852.022
53	Cục Thuế Sóc Trăng	Số 1 Hồ Hoàn Kiếm, P.2, TX Sóc Trăng	079.	822.291
54	Cục Thuế Sơn La	Số 3 Đường Tô Hiệu, TX Sơn La	022.	854.240
55	Cục Thuế Tây Ninh	Số 226 Đại lộ 30/4, P.III, TX Tây Ninh	066.	823.022
56	Cục Thuế Thái Bình	Số 98 Đường Lê Lợi, TX Thái Bình	036.	830.662
57	Cục Thuế Thái Nguyên	Tổ 33, P. Trưng Vương, TP Thái Nguyên	0280.	851.259
58	Cục Thuế Thanh Hóa	Số 9 Đường Phan Chu Trinh, Tp Thanh Hóa	037.	711.994
59	Cục Thuế Thừa Thiên Huế	Số 24 Lê Lợi, TP Huế	054.	829.000
60	Cục Thuế Tiền Giang	Số 900 Đường Lý Thường Kiệt, P.5, TP Mỹ Tho	073.	879.416
61	Cục Thuế Trà Vinh	Đường 19/5, TX Trà Vinh	074.	863.228
62	Cục Thuế Tuyên Quang	Phường Minh Xuân, TX Tuyên Quang, T Tuyên Quang	027.	822.715
63	Cục Thuế Vĩnh Long	Số 33/1 Đường 3/2, P.1, TX Vĩnh Long, T Vĩnh Long	070.	828.087
64	Cục Thuế Vĩnh Phúc	Phường Đồng Da, TX Vĩnh Yên, T Vĩnh Phúc	0211.	860.579
65	Cục Thuế Yên Bái	Phường Đồng Tâm, TP Yên Bái, T Yên Bái	029.	856.189

CHƯƠNG 2: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

I. KHÁI NIỆM VÀ TÁC DỤNG

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là loại thuế trực thu đánh vào phần thu nhập sau khi trừ các chi phí liên quan đến thu nhập của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.
- Thuế TNDN áp dụng chung cho các thành phần kinh tế, điều chỉnh cả đối với cơ sở thường trú của công ty nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (Cơ sở thường trú của công ty nước ngoài ở Việt Nam là cơ sở kinh doanh mà thông qua cơ sở này công ty nước ngoài tiến hành một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam).

II. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ

Ngoài các doanh nghiệp được cấp phép ở Việt Nam, đối tượng nộp thuế là:

1. Cá nhân trong nước sản xuất kinh doanh, hàng hóa dịch vụ: bao gồm:

- Cá nhân và nhóm cá nhân kinh doanh
- Hộ kinh doanh cá thể
- Cá nhân hành nghề độc lập có hoặc không có văn phòng, địa điểm hành nghề cố định thuộc đối tượng kinh doanh (trừ người làm công ăn lương phải đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với cơ quan thuế như ; bác sĩ, luật sư, kế toán, kiểm toán, họa sĩ, kiến trúc sư, nhạc sĩ và những người hành nghề độc lập khác
- Cá nhân cho thuê tài sản như nhà đất, phương tiện vận tải máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác.

2. Cá nhân nước ngoài: kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài như: Cho thuê tài sản, cho vay vốn, chuyển giao công nghệ, hoạt động tư vấn, tiếp thị, quảng cáo.

3. Công ty nước ngoài: hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú tại Việt Nam

Cơ sở thường trú là cơ sở kinh doanh mà thông qua cơ sở này công ty ở nước ngoài thực hiện một phần hay toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình tại Việt Nam mang lại thu nhập. Cơ sở thường trú của công ty ở nước ngoài chủ yếu bao gồm các hình thức sau:

a. Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, xưởng sản xuất, kho giao nhận hàng hóa, phương tiện vận tải, hầm mỏ, mỏ dầu hoặc khí đốt, địa điểm thăm dò hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên hay các thiết bị phương tiện phục vụ cho việc thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

b. Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp, các hoạt động giám sát xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt lắp ráp.

c. Cơ sở cung cấp các dịch vụ bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công cho mình hay một đối tượng khác

d. Đại lý cho công ty ở nước ngoài.

e. Đại diện ở Việt Nam trong các trường hợp:

- Có thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên công ty ở nước ngoài
- Không có thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên công ty nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hóa cung ứng dịch vụ tại Việt Nam. Trong trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó.

III. TRƯỜNG HỢP KHÔNG THUỘC DIỆN NỘP THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các trường hợp sau đây không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp:

1. Hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản
2. Hộ gia đình, cá nhân nông dân sản xuất nông nghiệp có thu nhập từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trừ hộ gia đình và cá nhân nông dân sản xuất hàng hóa lớn, có thu nhập cao từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
3. Những trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất không thuộc diện chịu thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất:
 - Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức kinh doanh theo quy định của Luật đất đai.
 - Tổ chức kinh doanh trả lại đất cho Nhà nước hoặc do Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Pháp luật.
 - Tổ chức kinh doanh bán nhà xưởng cùng với chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất để di chuyển địa điểm theo quy hoạch.
 - Tổ chức kinh doanh góp vốn bằng quyền sử dụng đất để hợp tác sản xuất kinh doanh với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật.
 - Tổ chức kinh doanh chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất do chia, tách, sát nhập, phá sản.
 - Chủ doanh nghiệp tư nhân chuyển quyền sử dụng đất trong trường hợp thừa kế ly hôn theo quy định của pháp luật, chuyển quyền sử dụng đất giữa chồng với vợ, giữa cha mẹ với con cái, giữa ông và với cháu nội, cháu ngoại, giữa anh chị em ruột với nhau.
4. Tạm thời chưa thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hộ gia đình và cá nhân nông dân sản xuất hàng hóa lớn, có thu nhập cao từ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho đến khi có quy định của Chính phủ

IV. CĂN CỨ TÍNH THUẾ

A. Thu nhập chịu thuế

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế được xác định theo công thức sau:

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	=	Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	-	Chi phí hợp lý trong kỳ tính thuế	+	Thu nhập chịu thuế khác trong kỳ tính thuế
---------------------------------------	---	---	---	-----------------------------------	---	--

1. Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế bao gồm thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thu nhập thuế khác, kể cả thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở nước ngoài.
2. Thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ ở nước ngoài.
 - Việc xác định thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ ở nước ngoài phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ và Hiệp định quốc tế về tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết.
 - Đối với khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa ký Hiệp định quốc tế về tránh đánh thuế hai lần thì thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập trước khi nộp thuế thu nhập ở nước ngoài. Sau khi đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp thì được trừ số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài để nộp vào ngân sách Nhà nước. Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ không vượt quá số

thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam (Xem Câu hỏi số 7).

3. Sau khi xác định thu nhập chịu thuế theo công thức trên đây cơ sở kinh doanh được trừ số lỗ của các kỳ tính thuế trước chuyển sang trước khi xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định (Xem Chuyển lỗ ở một số nước ASEAN).
4. Trong trường hợp Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có quy định khác về cơ sở thường trú thì thực hiện theo quy định của Hiệp định đó (Xem Chương 15).
5. Kỳ tính thuế được xác định theo năm dương lịch. Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng năm tài chính khác với năm dương lịch thì kỳ tính thuế xác định theo năm tài chính áp dụng.

B. Doanh thu

1. Doanh thu tính thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế: là doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ví dụ: Cơ sở kinh doanh A là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế. Hoá đơn giá trị gia tăng gồm các chỉ tiêu như sau:

Giá bán: 100.000 đồng.

Thuế GTGT (10%): 10.000 đồng.

Giá thanh toán: 110.000 đồng.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là 100.000 đồng (Xem Câu hỏi số 3).

2. Doanh thu tính thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng: là doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

Ví dụ: Cơ sở kinh doanh B là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng. Hoá đơn bán hàng chỉ ghi giá bán là 110.000 đồng (giá đã có thuế).

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là 110.000 đồng.

3. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp được xác định như sau:

- a. Doanh thu tính thuế TNDN đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp: được xác định theo giá bán hàng hóa trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi trả chậm.

- Trường hợp việc thanh toán theo hợp đồng mua bán trả góp kéo dài nhiều kỳ tính thuế thì doanh thu là số tiền phải thu của người mua trong kỳ tính thuế không bao gồm lãi trả chậm theo thời hạn quy định trong hợp đồng.
- Việc xác định chi phí đối với hàng hóa mua bán trả góp thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

- b. Doanh thu tính thuế TNDN đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở kinh doanh làm ra dùng để trao đổi; biếu, tặng; trang bị, thưởng cho người lao động: được xác định theo giá bán của hàng hoá, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi; biếu, tặng; trang bị, thưởng cho người lao động.

- c. Doanh thu tính thuế TNDN đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở kinh doanh làm ra tự dùng để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh: như: điện tự dùng, sản phẩm sản xuất ra dùng làm tài sản cố định, sản phẩm xây dựng cơ bản tự làm là chi phí sản xuất ra sản phẩm đó.

- d. Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động gia công hàng hoá: là tiền thu về gia công bao gồm cả tiền công, nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hoá.

- e. Doanh thu tính thuế TNDN đối với cơ sở kinh doanh nhận làm đại lý, ký gửi bán hàng đúng giá quy định của cơ sở kinh doanh giao đại lý, ký gửi: là tiền hoa hồng được hưởng.

- f. Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê tài sản: là số tiền thu từng kỳ theo hợp đồng (Xem Câu hỏi số 1).